TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN TỊNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 7 - 2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Ngọc Đạo.

2. Ông Nguyễn Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa – Thư ký TAND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi: Bà Lê Thị Chức – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Thị N**, sinh năm 1994; có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đình L**, sinh năm 1992; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm 2, thôn Thọ Nam, xã T, huyện S, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2019, tại các văn bản tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình L tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2015 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng

sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L thường xuyên nhậu say về thì anh L đánh chị, ngày 30/11/2019 anh L đánh chị phải nhập viện, kể từ đó chị ôm con về nhà mẹ đẻ ở thôn Thọ Trung, xã T sinh sống.

Nay chị xét thấy cuộc hôn nhân này không thể kéo dài, tình cảm hai vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình L.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 08/12/2015. Hiện nay con đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000,đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Ngày 09/4/2020 và tại phiên tòa chị N xin rút một phần yêu cầu: Chị không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ngày 09/4/2020 và tại phiên tòa chị N xin rút một phần yêu cầu: Chị không yêu cầu chia tài sản, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ của ai, không cho ai vay mượn.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại văn bản tố tụng anh L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị N tự nguyện tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2015 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc, thỉnh thoảng cũng có cãi vã chứ không có mâu thuẫn gì lớn. Đôi khi anh giận thì có đánh chị N 1, 2 cái.

Nay tình cảm giữa hai vợ chồng vẫn còn, chị Lê Thị N muốn ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị N.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 08/12/2015. Hiện nay cháu đang ở với chị N, vì không đồng ý ly hôn nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật: Căn cứ vào Điều 28; 35; 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh L đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Chị Lê Thị N ly hôn với anh Nguyễn Đình L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: Chị N và anh L có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 08/12/2015. Giao cháu T1 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Án phí: Đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hòa giải không thành. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, phiên tòa được mở vào ngày 03/7/2020, đã tống đạt hợp lệ cho anh L, anh L vắng mặt không có lý do, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, 233, 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 24/7/2020 và đã tống đạt cho anh L theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai vào ngày 24/7/2020 anh L vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Đình L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Đình L kết hôn là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Q vào ngày 19/01/2015. Anh L và chị N là vợ chồng hợp pháp. Xét thấy: Trong quá trình chung sống anh L và chị N không hợp tính nhau, nên thường xuyên cãi vã, anh L thường xuyên đánh đập chị N, chị có báo chính quyền địa phương can thiệp, nhưng anh L không sửa chữa, ngày 30/11/2019 anh L đánh chị N phải đi nhập viện, nên

chị N đã ôm con về mẹ đẻ ở, từ đó đến nay phần ai nấy sống, không còn quan tâm tới nhau. Mặc dù anh L khai vẫn còn tình cảm với chị N, nên anh không đồng ý ly hôn, nhưng khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử hai lần anh L đều vắng mặt, anh yêu cầu đoàn tụ, nhưng anh cũng không đưa ra được phương án nào để vợ chồng đoàn tụ, vì vậy anh L không thể hiện thiện chí đoàn tụ gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh L và chị N đã đến mức lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N. Chị Lê Thị N ly hôn với anh Nguyễn Đình L là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh L có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 08/12/2015.

Xét thấy: Hiện nay cháu T1 đang ở với chị N và có cuộc sống ổn định, chị N đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Vì vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị N. Giao cháu T1 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Án phí: Đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[2.6] Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

[2.7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; 35; 147; 235; 266; 271 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51; 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N. Chị Lê Thị N ly hôn với anh Nguyễn Đình L.

+ Về con chung: Chị N và anh L có 01 người con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 08/12/2015.

Giao cháu Nguyễn Thị Thanh T1 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đình L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Án phí: Chị Lê Thị N phải chịu 300.000,đồng tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 812.500,đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001962 ngày 11/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Tịnh. Hoàn trả lại cho chị N số tiền còn thừa là 512.500,đồng.

+ Kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục THADS huyện Sơn Tịnh;
- UBND xã Tịnh Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga